TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHÂU THÀNH** **TỈNH HẬU GIANG** **Bản án số: 55/2024/HNGĐ-ST** **Ngày: 20/6/2024.** **V/v xin ly hôn, chia tài sản chung trong thời kỳ hôn nhân.**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH HẬU GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Nhân.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Trương.

2. Ông Nguyễn Văn Bỉnh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Võ Thị Ngọc Giàu, thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Hậu Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành tham gia phiên toà: Ông Lâm Văn Bình - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 6 năm 2024 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Hậu Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 198/2023/TLST- HNGĐ ngày 28 tháng 6 năm 2023 về việc xin ly hôn, chia tài sản chung trong thời kỳ hôn nhân, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 39/2024/QĐXX-ST ngày 27 tháng 5 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 24/2024/QĐST-HNGĐ ngày 13 tháng 6 năm 2024 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Bà Lê Thị L, sinh năm 1948. (có mặt)

Địa chỉ: 49 ấp Phú Lễ, xã Phú Tân, huyện Châu Thành, tỉnh Hậu Giang.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn:

Luật sư ông Trần Đình K (có mặt), Văn phòng luật sư Tây Sơn, thuộc đoàn luật sư thành phố Cần Thơ. Địa chỉ: số 38/2A1, đường Mậu Thân, phường An Hòa, quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ.

- *Bị đơn*: Ông Trần Văn T, sinh năm 1947. (có mặt)

Địa chỉ: 49 ấp Phú Lễ, xã Phú Tân, huyện Châu Thành, tỉnh Hậu Giang.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*.

1/ Bà Trần Thị T, sinh năm 1965. (có đơn xin vắng mặt)

Địa chỉ: ấp Quyết Thắng A, xã Hiệp Hưng, huyện Phụng Hiệp, tỉnh Hậu Giang.

2/ Ông Trần Văn N, sinh năm 1968. (có mặt)

Địa chỉ: 97C, khu vực Phú Tân, phường Tân Phú, quận Cái Răng, thành phố cần Thơ.

3/ Bà Trần Thị T, sinh năm 1970. (có mặt)

Địa chỉ: 47 ấp Phú Lễ, xã Phú Tân, huyện Châu Thành, tỉnh Hậu Giang.

6/ Bà Trần Thị T, sinh năm 1974. (có mặt)

Địa chỉ: 410, tổ 19 ấp Mỹ Lợi, xã Thiện Mỹ, huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long.

4/ Ông Trần Văn Q, sinh năm 1981. (có mặt)

Địa chỉ: 49 ấp Phú Lễ, xã Phú Tân, huyện Châu Thành, tỉnh Hậu Giang.

5/ Bà Trương Thị Lệ H, sinh năm 1991. (có đơn xin vắng mặt)

Địa chỉ: 49 ấp Phú Lễ, xã Phú Tân, huyện Châu Thành, tỉnh Hậu Giang.

6/ Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam.

Địa chỉ số: 02 Láng Hạ, Ba Đình, Hà Nội.

Đơn vị ủy quyền Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam – chi nhánh huyện Châu Thành, tỉnh Hậu Giang. (vắng mặt)

Địa chỉ: ấp Thị Trấn, thị trấn Ngã Sáu, huyện Châu Thành, tỉnh Hậu Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 31/5/2023 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, cũng như tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn Lê Thị L trình bày:

Nguyên đơn và bị đơn chung sống với nhau từ năm 1965, không có làm lễ cưới theo truyền thống, không có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Hôn nhân là do quen biết tự nguyện tiến tới hôn nhân. Thời gian chung sống có năm người con chung là Trần Thị T, Trần Văn N, Trần Thị T, Trần Thị T, Trần Văn Q các con đã trưởng thành. Quá trình chung sống có tài sản chung là 17116m^2 đất, đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 003114 cấp ngày 12/9/1996. Trên đất có căn nhà của nguyên đơn và bị đơn, nhà kiên cố xây dựng năm nào nguyên đơn không nhớ rõ, có căn nhà của Trần Thị T xây dựng vào năm 2013. Nợ Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam, chi nhánh huyện Châu Thành, tỉnh Hậu Giang số tiền 55.000.000 đồng, và không có thiếu nợ ai hay cho ai vay nợ. Mâu thuẫn vợ chồng do bất đồng ý kiến trong cuộc sống, về tính tình cách sống, về tài sản, sống riêng từ năm 2022 đến nay. Về quan hệ hôn nhân nguyên đơn Lê Thị L xin ly hôn với Trần Văn T. Về con chung, con đã trưởng thành không yêu cầu tòa án giải quyết. Về tài sản chung nguyên đơn Lê Thị L rút yêu cầu chia giá trị căn nhà chung của nguyên đơn và bị đơn, về đất yêu cầu chia đôi phần đất, chia đôi số nợ ngân hàng.

Bị đơn Trần Văn T trình bày: Bị đơn đồng ý với nguyên đơn về thời gian kết hôn năm 1965, không có làm lễ cưới theo truyền thống, không có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Hôn nhân là do quen biết tự nguyện tiến tới hôn nhân, thời gian chung sống có năm người con chung như nguyên đơn trình bày, các con đã trưởng thành. Quá trình chung sống có tài sản do cha mẹ

để lại là 17116m^2 đất, đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 003114 cấp ngày 12/9/1996. Trên đất có hai căn nhà, một căn nhà của bị đơn xây dựng năm nào bị đơn không nhớ rõ, một căn nhà của Trần Thị T xây dựng kiên cố. Thiếu nợ Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam, chi nhánh huyện Châu Thành, tỉnh Hậu Giang số tiền 55.000.000 đồng, và không có thiếu nợ ai hay cho ai vay nợ. Mâu thuẫn vợ chồng là mâu thuẫn về tài sản đã sống riêng từ năm 2022 đến nay. Về quan hệ hôn nhân bị đơn Trần Văn T đồng ý ly hôn với nguyên đơn Lê Thị L. Về con chung, con đã trưởng thành không yêu cầu tòa án giải quyết. Về tài sản chung phần đất 17116m^2 đất bị đơn không đồng ý chia đôi, yêu cầu chia như sau: chia cho Trần Văn N 4000m^2 đất, chia cho Trần Văn Q 4000m^2 đất, chia cho bà Lê Thị L 2000m^2 đất, chia cho Trần Thị T 2000m^2 đất, chia cho Trần Thị T 2000m^2 đất, còn lại của ông T 3000m^2 đất, khi chia đất có đo đạc có cậm trụ, các con đã nhận đất canh tác chưa tách giấy vì giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đang thế chấp để vay ngân hàng. Bị đơn yêu cầu chia đôi số nợ ngân hàng 55.000.000 đồng với nguyên đơn.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Trần Thị T trình bày: Không yêu cầu nguyên đơn và bị đơn chia phần đất nào, không có ý kiến gì trong vụ án này.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Trần Văn N trình bày: Nguyên đơn và bị đơn có cho Trần Văn N 4000m^2 đất, Trần Văn N đã nhận đất canh tác từ năm 2013, có trồng mít và sầu riêng, phần đất có cậm trụ đá. Chưa có tách giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, yêu cầu được nhận 4000m^2 đất.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Trần Thị T trình bày: Nguyên đơn và bị đơn có cho Trần Thị T 2000m^2 đất, có cất nhà kiên cố vào năm 2013, có trồng mít và cóc, phần đất chưa có cậm trụ đá. Chưa có tách giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, yêu cầu được nhận 2000m^2 đất.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Trần Thị Thúy trình bày: Nguyên đơn và bị đơn có cho Trần Thị Thúy 2000m^2 đất, đã nhận đất canh tác từ năm 2019, có trồng mít và cóc, phần đất chưa có cậm trụ đá. Chưa có tách giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, yêu cầu được nhận 2000m^2 đất.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Trần Văn Q trình bày: Nguyên đơn và bị đơn có cho Trần Văn Q 4000m^2 đất, đã nhận đất canh tác từ năm 2013, có trồng mít và cóc, sầu riêng, ổi, vú sữa, phần đất chưa có cậm trụ đá. Chưa có tách giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, yêu cầu được nhận 4000m^2 đất.

Luật sư Trần Đình K bảo vệ quyền và lợi ích cho nguyên đơn trình bày: Hôn nhân giữa nguyên đơn và bị đơn là hôn nhân thực tế, đề nghị Hội đồng xét xử công nhận thuận tình ly hôn giữa nguyên đơn và bị đơn. Công nhận sự thỏa thuận của nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan thỏa thuận chia tài sản chung theo các vị trí đất đã nhận thực tế theo mãnh trích đo địa chính số 610/2023 ngày 14/12/2023 của công ty trách nhiệm hữu hạn đo đạc

bản đồ Tín Phát. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn vì nguyên đơn đã tự nguyện rút yêu cầu chia tài sản là căn nhà chung của nguyên đơn và bị đơn.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm từ khi thụ lý vụ án đến phiên tòa hôm nay, Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký đã thực hiện đúng và đầy đủ các quy định của pháp luật về tố tụng dân sự. Việc chấp hành tố tụng của đương sự theo quy định của pháp luật.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, công nhận thuận tình ly hôn giữa nguyên đơn và bị đơn. Về con chung, con chung đã trưởng thành đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét. Về tài sản chung đề nghị Hội đồng xét xử công nhận sự thỏa thuận của các đương sự theo mãnh trích đo địa chính số 610/2023 ngày 14/12/2023 của công ty trách nhiệm hữu hạn đo đạc bản đồ Tín Phát. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Về nợ chung đề nghị không xem xét giành quyền khởi kiện cho Ngân hàng khi có yêu cầu. Về nợ cho vay không có đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét. Về án phí, chi phí tố tụng các đương sự phải chịu theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả việc hỏi, tranh luận tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng và quan hệ pháp luật: Nguyên đơn khởi kiện về việc xin ly hôn, chia tài sản chung với bị đơn nên đây là tranh chấp hôn nhân và gia đình, căn cứ Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 xác định đây là vụ án về việc xin ly hôn, chia tài sản chung trong thời kỳ hôn nhân. Bị đơn có nơi cư trú tại ấp Phú Lễ, xã Phú Tân, huyện Châu Thành, tỉnh Hậu Giang, căn cứ Điều 35, 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 xác định yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đúng trình tự thủ tục, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành nên được xem xét, giải quyết theo quy định của pháp luật.

Về việc vắng mặt người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan quá trình thụ lý giải quyết vụ án người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt không lý do. Tòa án đã tống đạt hợp lệ văn bản tố tụng, tại phiên tòa hôm nay người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt không lý do. Do đó Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 xét xử vắng mặt người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Giữa nguyên đơn Lê Thị L và bị đơn Trần Văn T tự nguyện chung sống với nhau từ năm 1965, không tổ chức lễ cưới theo truyền thống, không đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật. Căn cứ Điều 33 Thông tư 04/2020/TT-BTP ngày 28/5/2020, như vậy xác định hôn nhân giữa

nguyên đơn và bị đơn là hôn nhân thực tế, phù hợp với quy định của luật hôn nhân gia đình, hôn nhân giữa nguyên đơn và bị đơn là hợp pháp. Trong quá trình chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng ý kiến trong cuộc sống về tính tình và cách sống, mâu thuẫn nhau về tài sản, nguyên đơn và bị đơn đã cho nhau cơ hội nhưng không thể hàn gắn được với nhau, và đã sống riêng từ năm 2022 đến nay, vợ chồng tự ai nấy sống. Chứng tỏ quan hệ hôn nhân giữa nguyên đơn và bị đơn đã trầm trọng. Quá trình thụ lý vụ án Tòa án đã tiến hành hòa giải để nguyên đơn và bị đơn đoàn tụ nhưng vẫn không thể đoàn tụ lại được, nguyên đơn và bị đơn đều đồng ý ly hôn và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát về việc chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn công nhận thuận tình ly hôn giữa nguyên đơn và bị đơn là phù hợp với quy định của pháp luật.

[3] Về con chung đã trưởng thành Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[4] Về tài sản chung, nguyên đơn Trần Văn T, bị đơn Lê Thị L, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Trần Văn N, Trần Thị T, Trần Thị T, Trần Văn Q cùng thống nhất thỏa thuận chia theo vị trí đất đã được nhận theo đo đạc thực tế tại mảnh trích đo địa chính số 610/2023 ngày 14/12/2023 của công ty trách nhiệm hữu hạn đo đạc bản đồ Tín Phát. Về cây trồng trên đất tại vị trí của ai người đó được hưởng không yêu cầu giải quyết về giá trị cây trồng trên đất. Đình chỉ một phần yêu cầu chia tài sản chung phần căn nhà của bà Lê Thị L và ông Trần Văn T, do bà Lê Thị L tự nguyện rút yêu cầu. Đối với số nợ Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam, chi nhánh huyện Châu Thành, tỉnh Hậu Giang, giành quyền khởi kiện khi ngân hàng có yêu cầu, yêu cầu chia đối số nợ Hội đồng xét xử không xem xét. Đối với số nợ này Hội đồng xét xử thấy rằng hợp đồng tín dụng số 7004-LAV-202202589 ngày 09/8/2022, giữa ông Trần Văn T với ngân hàng, vay với hình thức tín chấp không có tài sản đảm bảo. Hiện tại ngân hàng đang lưu giữ giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 003114 cấp ngày 12/9/1996 cấp cho hộ ông Trần Văn T, nên buộc Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam, chi nhánh huyện Châu Thành, tỉnh Hậu Giang, phải có nghĩa vụ giao giấy chứng nhận quyền sử dụng đất bản gốc, khi cơ quan nhà nước có thẩm quyền yêu cầu và có sự yêu cầu thi hành án của đương sự.

Về nợ cho vay đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử chưa xem xét giải quyết.

[5] Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, quyền kháng cáo các đương sự thực hiện theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- *Áp dụng:* Điều 28, 35, 39,147, 227, 228, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự 2015

Điều 55, 59 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Điều 12, 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

- Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

1.1. Về quan hệ hôn nhân: Ghi nhận sự tự nguyện của nguyên đơn bà Lê Thị L và bị đơn ông Trần Văn T, thuận tình ly hôn.

1.2. Về con chung đã trưởng thành không xem xét giải quyết.

1.3. Về tài sản chung, ghi nhận sự tự nguyện thỏa thuận của các đương sự:

Bà Lê Thị L được quyền sử dụng phần đất tại vị trí số 1a, diện tích 885.6m^2, vị trí số 5, diện tích 847.3m^2, vị trí số 8, diện tích 267.2m^2. Bà Trần Thị T được quyền sử dụng phần đất tại vị trí số 6a, diện tích 1314.1m^2, vị trí số 9, diện tích 686.3m^2. Bà Trần Thị T được quyền sử dụng phần đất tại vị trí số 2, diện tích 2021.2m^2. Về cây trồng trên phần đất này bà Trần Thị T đồng ý để cho ông Trần Văn T và Trần Văn Q sử dụng hưởng hoa lợi đến hết ngày 30 tháng 09 năm 2024, sau đó trả lại cây trồng cho bà Trần Thị T. Ông Trần Văn N được quyền sử dụng phần đất tại vị trí số 4, diện tích 4070.0m^2. Ông Trần Văn Q được quyền sử dụng diện tích tại vị trí số 3, diện tích 4075.2m^2. Ông Trần Văn T được quyền sử dụng vị trí số 7a, diện tích 4039.6m^2, vị trí số 10, diện tích 313.3m^2.

2. Về cây trồng trên phần đất nguyên đơn Trần Văn T, bị đơn Lê Thị L, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Trần Văn N, Trần Thị T, Trần Thị T, Trần Văn Q, được nhận, thì cây trồng ngay vị trí đất của ai thì ổn định cho người được nhận đất được quyền sử dụng cây trồng. Các đương sự không yêu cầu trả lại giá trị cây trồng.

3. Các đương sự được nhận đất, được quyền liên hệ với cơ quan nhà nước có thẩm quyền để đăng ký quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật. Buộc Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam, (Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam, chi nhánh huyện Châu Thành, tỉnh Hậu Giang) có nghĩa vụ giao giấy chứng quyền sử dụng đất số 003114 cấp ngày 12/9/1996 cấp cho hộ ông Trần Văn T, khi cơ quan nhà nước thẩm quyền yêu cầu. (*kèm theo mảnh trích đo địa chính số 610/2023 ngày 14/12/2023 của công ty trách nhiệm hữu hạn đo đạc bản đồ Tín Phát*)

4. Về nợ chung số nợ 55.000.000 đồng nợ Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam, (Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam, chi nhánh huyện Châu Thành, tỉnh Hậu Giang), Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét. Giành quyền khởi kiện cho Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam, (Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam, chi nhánh huyện Châu Thành, tỉnh Hậu Giang) khi có yêu cầu.

5. Về nợ cho vay chưa xem xét giải quyết.

6. Đình chỉ phần yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị L về chia tài sản chung là căn nhà của bà Lê Thị L và ông Trần Văn T, do bà Lê Thị L tự nguyện rút một phần yêu cầu khởi kiện.

Đương sự được nhận lại tài liệu chứng cứ khi có yêu cầu.

Đương sự có quyền khởi kiện lại theo quy định tại khoản 1 Điều 218, khoản 3 Điều 192, điểm c khoản 1 Điều 217 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

7. Án phí hôn nhân gia đình, chia tài sản sơ thẩm: Nguyên đơn Lê Thị L, bị đơn Trần Văn T, được miễn theo quy định của pháp luật vì là người cao tuổi.

Về chi phí tố tụng 47.200.000 đồng, bà Lê Thị L phải chịu 7.866.666 đồng, ông Trần Văn T phải chịu 7.866.666 đồng, bà Trần Thị T phải chịu 7.866.666 đồng, ông Trần Văn Q phải chịu 7.866.666 đồng, bà Trần Thị T phải chịu 7.866.666 đồng, ông Trần Văn N phải chịu 7.866.666 đồng. Bà Lê Thị L được nhận lại 39.333.330 đồng, sau khi ông Trần Văn T, ông Trần Văn N, bà Lê Thị T, bà Lê Thị T, ông Trần Văn Q, nộp tại chi cục thi hành án dân sự huyện Châu thành, tỉnh Hậu Giang.

8. Đương sự có mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết tại Ủy ban nhân dân nơi cư trú.

9. Trong trường hợp Bản án, Quyết định của Tòa án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự - thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

***Nơi nhận*:**
- TAND tỉnh Hậu Giang;
- VKSND huyện Châu Thành;
- CCTHA huyện Châu Thành;
- UBND xã đã đăng ký kết hôn;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thanh Nhân